

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Đoàn Thị Thanh Vân

**TÍN NGƯỠNG THỜ ÔNG HOÀNG MƯỜI
Ở XỨ NGHỆ**

Ngành: Văn hóa học

Mã ngành: 9229040

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội - 2025

Công trình được hoàn thành tại:
Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Người hướng dẫn khoa học:
PGS. TS Phạm Lan Oanh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án họp tại
Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam
32 Hà Nội, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Vào lúc ... giờ phút ngày tháng ... năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Thư viện Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ là hiện tượng văn hóa dân gian tiêu biểu của người Việt, phản ánh sâu sắc thế giới quan, vũ trụ quan và hệ giá trị địa phương. Năm 2016, *Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, khẳng định giá trị đặc sắc và tầm ảnh hưởng quốc tế của loại hình tín ngưỡng này.

Trong hệ thống thần điện Tam phủ, Ông Hoàng Mười là nhân vật linh thiêng nổi bật, gắn với không gian văn hóa Xứ Nghệ (Nghệ An, Hà Tĩnh). Hình tượng này kết hợp hài hòa yếu tố lịch sử, huyền thoại và ký ức cộng đồng, vừa duy trì chiều sâu tâm linh, vừa lưu giữ và truyền tải bản sắc vùng qua nhiều thế hệ.

Từ khi lễ hội Ông Hoàng Mười được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (2019), thực hành tín ngưỡng đã biến đổi mạnh: mở rộng quy mô, gia tăng yếu tố sân khấu hóa, phát triển du lịch tâm linh và đẩy mạnh truyền thông số. Những biến đổi này vừa nâng tầm di sản, vừa đặt ra thách thức về tính thiêng và sự bền vững.

Trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa và chuyển đổi số, nghiên cứu tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười như một “di sản sống” sẽ góp phần lý giải quá trình thích ứng giữa truyền thống và hiện đại, giữa cộng đồng - thị trường - nhà nước, trong cả không gian thực địa và không gian mạng.

Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên, tôi lựa chọn đề tài *Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ* làm hướng nghiên cứu cho luận án tiến sĩ chuyên ngành Văn hóa học tại Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam. Việc phân tích hiện tượng này như một thực hành văn hóa đang sống động sẽ góp phần lý giải sâu hơn các quá trình văn hóa địa phương hoá trong thời kỳ hiện đại hóa, toàn cầu hóa và phát triển bền vững.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nhằm phân tích, lý giải và hệ thống hóa các giá trị văn

hóa tiêu biểu của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười tại Xứ Nghệ - một thực hành văn hóa trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, đóng góp thêm vào nền tảng lý luận và thực tiễn cho công tác bảo vệ, quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tại Việt Nam theo hướng bền vững và phù hợp với biến đổi xã hội đương đại.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu: Khảo sát và hệ thống hóa một số các công trình trong và ngoài nước tiêu biểu liên quan đến tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ nói chung và tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười nói riêng; từ đó xác định khoảng trống nghiên cứu để tiến hành xác lập cơ sở lý luận và lựa chọn khung lý thuyết - phương pháp luận phù hợp tiếp cận văn hóa học.

Làm rõ vị trí và giá trị tín ngưỡng: Phân tích vị trí và giá trị của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười thông qua việc lý giải mối liên hệ giữa yếu tố lịch sử - huyền thoại - ký ức cộng đồng trong quá trình kiến tạo hình tượng và biểu tượng linh thiêng.

Làm rõ sự hình thành và vận động của hình tượng Ông Hoàng Mười trong không gian văn hóa Xứ Nghệ.

Khảo sát thực hành nghi lễ và biểu hiện nghệ thuật.

Đánh giá tác động của bối cảnh đương đại.

3. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu 1: Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười được định vị như thế nào trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ?

Câu 2: Hình tượng Ông Hoàng Mười được kiến tạo và duy trì như thế nào trong không gian văn hóa - lịch sử vùng Nghệ An - Hà Tĩnh? Những yếu tố văn hóa - xã hội, lịch sử - huyền thoại nào đã góp phần định hình và truyền lưu hình tượng này trong tâm thức cộng đồng?

Câu 3: Các thực hành nghi lễ đặc trưng như lễ rước, hầu đồng, hát văn... phản ánh những chiều cạnh giá trị nào của di sản văn hóa phi vật thể? Các nghi lễ này biểu đạt ra sao các giá trị biểu tượng, thẩm mỹ và cấu trúc trình diễn trong bối cảnh văn hóa dân gian vùng Xứ Nghệ?

Câu 4: Trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa và truyền thông hóa, các thực hành thờ Ông Hoàng Mười đã biến đổi theo những chiều hướng nào? Mối quan hệ và tương tác giữa các chủ thể như Nhà nước, cộng đồng thực hành và các lý thuyết nghiên cứu văn hóa ảnh hưởng ra sao đến trình tái định hình không gian linh thiêng và bản sắc tín ngưỡng?

3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích các hiện tượng văn hóa liên quan, luận án xây dựng các giả thuyết nghiên cứu sau:

Giả thuyết 1: Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười là một cấu phần đặc thù trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, phản ánh sự kết hợp giữa thế giới quan dân gian và bản sắc địa phương, đồng thời là biểu hiện cụ thể của cơ chế linh thiêng hóa không gian và nhân vật thờ trong tín ngưỡng Việt Nam.

Giả thuyết 2: Hình tượng Ông Hoàng Mười được kiến tạo trên nền tảng giao thoa giữa huyền thoại, lịch sử và ký ức cộng đồng, thể hiện tiến trình địa phương hóa thần điện và sự thiêng hóa nhân vật trong quá trình cấu trúc tín ngưỡng dân gian Xứ Nghệ.

Giả thuyết 3: Các thực hành nghi lễ và hình thức diễn xướng gắn với Ông Hoàng Mười là không gian biểu đạt đa tầng, nơi hội tụ các yếu tố biểu tượng linh thiêng, nghệ thuật trình diễn, cấu trúc lễ nghi, đồng thời phản ánh cơ chế tiếp nhận - bảo lưu - sáng tạo trong văn hóa dân gian.

Giả thuyết 4: Những biến đổi trong thực hành tín ngưỡng hiện nay là kết quả của quá trình *giao thoa và tái định vị* giữa các hệ hình giá trị: giữa truyền thống và hiện đại, giữa tính thiêng và tính thế tục, giữa cộng đồng địa phương và cơ chế quản lý nhà nước – thị trường.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu các thực hành tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười bao gồm: thực hành nghi lễ thờ cúng, nghi lễ hầu đồng, biểu tượng thần thánh, không gian thiêng, niềm tin cộng đồng cùng với các hoạt động liên quan của chính quyền và người dân.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Không gian nghiên cứu

Đền Ông Hoàng Mười ở xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An;

Đền Chợ Củi ở xã Xuân Hồng, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh;

Đền Cả ở phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Nghị quyết 56/NQ-CP (17/4/2024): từ 01/7/2025, địa giới hành chính thay đổi. Trong luận án, vẫn dùng tên địa danh theo thời điểm khảo sát để thống nhất với hồ sơ và dữ liệu phỏng vấn.

Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu tập trung vào giai đoạn từ sau năm 2016 đến năm 2025.

Nội dung nghiên cứu

Phân tích quá trình hình thành và phát triển hình tượng Ông Hoàng Mười trong mối liên hệ với không gian văn hóa - lịch sử vùng Xứ Nghệ gồm tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Làm rõ đặc trưng nghệ thuật diễn xướng trong các thực hành nghi lễ gắn với Ông Hoàng Mười, đặc biệt là trong hát văn và hầu đồng.

Xác định các yếu tố văn hóa - xã hội tác động đến việc duy trì, chuyển hóa và tái tạo nghi lễ trong bối cảnh hiện đại.

Phân tích quá trình giao thoa và tái định vị giữa các chủ thể.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận của luận án đặt trọng tâm vào việc giải mã các lớp nghĩa văn hóa - biểu tượng, hình thái văn hóa luôn được kiến tạo lại, giao thoa và tái định vị trong bối cảnh hiện đại hóa và toàn cầu hóa.

Luận án lựa chọn cách tiếp cận văn hóa học như một lăng kính trung tâm để tích hợp các hướng tiếp cận khác, nhằm làm rõ tính phức hợp, tính linh hoạt và khả năng duy trì bản sắc của tín ngưỡng dân gian trong xã hội đương đại.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phân tích – tổng hợp tư liệu: Nghiên cứu các công trình liên quan, văn bản lễ hội, văn châu, truyền thuyết.

Khảo sát thực địa: Tại ba trung tâm thờ tự ở Nghệ An và Hà Tĩnh; ghi chép, chụp ảnh, quay phim.

Quan sát tham dự: Trực tiếp tham gia lễ hội, hầu đồng.

Phỏng vấn sâu và trực tuyến: Thanh đồng, cung văn, quản lý di tích, khách hành hương.

Phân tích diễn ngôn: Văn bản truyền thông, mạng xã hội, video.

So sánh – đối chiếu liên vùng: Đặt trong bối cảnh các điểm thờ khác để nhận diện đặc trưng Xứ Nghệ.

Việc kết hợp phương pháp này cùng với các phương pháp khác trong nghiên cứu góp phần bảo đảm tính khách quan, tăng độ tin cậy của dữ liệu và tạo nền tảng cho việc phân tích sâu hơn ở các chương sau về khả năng thích ứng, biến đổi và quản lý di sản trong bối cảnh đương đại.

Đạo đức nghiên cứu: thông tin đồng thuận, ẩn danh theo yêu cầu, tôn trọng không gian thiêng và quy định của Ban quản lý/ cộng đồng.

6. Đóng góp của luận án

6.1. Đóng góp về mặt lý luận

Góp phần làm sáng tỏ cơ chế thiêng hóa và quá trình kiến tạo hình tượng Ông Hoàng Mười như một thiết chế văn hóa – tâm linh tiêu biểu

Gợi mở cách tiếp cận thực hành tín ngưỡng như một hình thức “trình hiện văn hóa” (cultural performance).

Bổ sung khung lý luận liên ngành cho nghiên cứu tín ngưỡng dân gian trong xã hội đương đại.

6.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Góp phần nhận diện vai trò văn hóa - xã hội của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười.

Cung cấp cơ sở dữ liệu thực chứng và hệ thống phân tích khoa học, góp phần hỗ trợ xây dựng các chính sách bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể trong mối liên hệ với truyền thông đương đại và yêu cầu phát triển bền vững.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu (13 trang), Kết luận (5 trang), Tài liệu tham khảo (14 trang) và Phụ lục (80 trang), cấu trúc của Luận án gồm 04 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận (41 trang).

Chương 2. Hình tượng Ông Hoàng Mười và không gian thờ phụng (39 trang).

Chương 3. Thực hành nghi lễ và biểu tượng giá đồng Ông Hoàng Mười (40 trang).

Chương 4. Biến đổi thực hành, giá trị và bàn luận về tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười (47 trang).

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1.1. Khái quát các nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ

Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ - một hình thức thờ phụng dân gian đặc trưng của người Việt - đã trở thành đối tượng nghiên cứu trọng tâm của nhiều học giả trong nước và quốc tế, đặc biệt kể từ khi được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại vào năm 2016.

Bộ hồ sơ quốc gia và các ấn phẩm của Viện Văn hoá, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch là nguồn tư liệu hệ thống quan trọng, đồ sộ và đầy đủ nhất, cùng với những công trình nghiên cứu khác đã góp phần định vị tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ như một hệ thống biểu tượng địa phương/vùng miền, vừa giàu tính thiêng, vừa mang khả năng thích nghi cao, đặc biệt trong tiến trình hiện đại hóa, toàn cầu hóa và tái cấu trúc bản sắc văn hóa dân tộc.

Những công trình nêu trên cho thấy sự phát triển ngày càng đa dạng và liên ngành trong nghiên cứu tín ngưỡng thờ Mẫu: từ nhân học biểu tượng, thư tịch học, phân tâm học, nghiên cứu giới, nghiên cứu văn hóa so sánh đến chính sách quản lý di sản. Các công trình thống nhất nhận định: Đạo Mẫu là “bảo tàng sống” của văn hóa Việt, phản ánh tính nữ quyền, sự linh hoạt nghi lễ và khả năng vận động trong hiện đại hóa, toàn cầu hóa.

1.1.2. Các nghiên cứu về Ông Hoàng Mười

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến sau công cuộc Đổi mới 1986, tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười - đặc biệt tại các địa phương như Nghệ An và Hà Tĩnh - đã có những biểu hiện phục hưng rõ nét, thu hút đông đảo khách thập phương về chiêm bái, hành lễ tại các đền thờ gắn với danh thần này. Cùng với thực hành tín ngưỡng, các công trình nghiên cứu khoa học, hội thảo, luận văn và các bài nghiên cứu đơn lẻ, bước đầu đã tập trung vào việc làm sáng tỏ truyền thuyết, lịch sử, không gian thiêng và nghi lễ gắn với nhân vật Ông Hoàng Mười. Nhìn chung, các nghiên cứu trên đã góp phần làm rõ sự tái cấu trúc tín ngưỡng Ông Hoàng Mười trong bối cảnh mới, cho thấy sự tương tác giữa yếu tố truyền thống và hiện đại, giữa tín ngưỡng dân gian và chính sách văn hóa đương đại.

Tuy nhiên phần lớn các nghiên cứu này vẫn mang tính miêu tả địa phương, chưa phát triển thành hệ thống lý luận chuyên sâu về hình tượng Ông Hoàng Mười dưới góc nhìn lý thuyết văn hóa học, biểu tượng học, hay trình diễn học.

Chưa có công trình chuyên sâu, mang tính hệ thống về Ông Hoàng Mười gắn với các nội dung: Vai trò biểu tượng trong điện thần Tam/Tứ phủ; Cấu trúc nghi lễ và ý nghĩa biểu tượng giá đồng; Cơ chế giao thoa và tái định vị giữa Nhà nước – cộng đồng – cá nhân thực hành. Sự biến đổi hình tượng trong bối cảnh truyền thông số, du lịch tâm linh.

Chính khoảng trống học thuật này là cơ sở để luận án lựa chọn tiếp cận hình tượng Ông Hoàng Mười từ góc nhìn văn hóa học, nhằm góp phần làm rõ biểu tượng tính đa dạng, khả năng thích ứng, và sắc thái địa phương trong các thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, từ đó cung cấp thêm tư liệu và góc nhìn mới trong lĩnh vực nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể.

1.1.3. Đánh giá tổng quan

Từ việc tổng hợp và phân tích các công trình nghiên cứu đã trình bày ở trên, có thể nhận thấy rằng tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt đã và đang nhận được sự quan tâm sâu rộng, đa chiều từ

giới nghiên cứu trong nước và quốc tế. Những đóng góp quan trọng của các học giả trong nước và quốc tế đã đặt nền móng cho việc nhận diện tín ngưỡng thờ Mẫu như một hình thái tôn giáo dân gian linh hoạt đã mở rộng phạm vi nghiên cứu tín ngưỡng thờ Mẫu từ khuôn khổ dân tộc học truyền thống sang các tiếp cận liên ngành hiện đại. Trong số đó, Ông Hoàng Mười, một nhân vật có ảnh hưởng sâu sắc tại vùng Xứ Nghệ, gắn liền với không gian thiêng đặc thù, ký ức cộng đồng và thực hành nghi lễ sống động, lại chưa có công trình khoa học chuyên sâu nào tiếp cận một cách hệ thống từ góc nhìn văn hóa học.

Chính từ khoảng trống nghiên cứu đó, trên cơ sở các công trình đã có của các tác giả đi trước NCS đã hình thành lý do và động lực khoa học để lựa chọn *Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ* làm đối tượng nghiên cứu.

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Các khái niệm cơ bản

Tín ngưỡng dân gian: Là sản phẩm văn hóa hình thành từ mối quan hệ giữa con người - tự nhiên - xã hội và chính bản thân. Tín ngưỡng dân gian tồn tại, phát triển trong cộng đồng, mang tính linh hoạt, gắn với đời sống thường nhật. Bốn thành tố cơ bản gồm: Nhân vật thờ và huyền thoại về nhân vật đó; Nơi thờ cúng và điện thần; Hèm, trò diễn, trò chơi liên quan; Lễ vật và nghi lễ thờ cúng.

Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ: Hệ thống tín ngưỡng dân gian đặc sắc của người Việt, thờ các Thánh Mẫu đại diện cho yếu tố vũ trụ: Thiên phủ (trời), Địa phủ (đất), Thoải phủ (nước), và bổ sung Nhạc phủ (núi rừng) thành Tứ phủ. Đây là dạng thức văn hóa tâm linh tổng hợp, kết hợp nhu cầu thẩm mỹ, tâm lý, tín ngưỡng và cộng đồng; trong đó hầu đồng giữ vai trò trung tâm, giàu tính nghệ thuật.

Ông Hoàng Mười trong hệ thống thờ Mẫu: Ông Hoàng là hàng mười vị trong hệ thống thờ Mẫu, mỗi vị gắn với vùng địa lý, chức năng và phẩm chất riêng. Ông Hoàng Mười được thờ nhiều nhất ở Nghệ An và Hà Tĩnh, mang hình mẫu quân tử, thanh sạch, tài hoa, gắn với bản sắc Xứ Nghệ.

Trong phạm vi luận án, *tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười* được hiểu là một hợp phần của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, tập trung tại 03 đền lớn ở Xứ Nghệ.

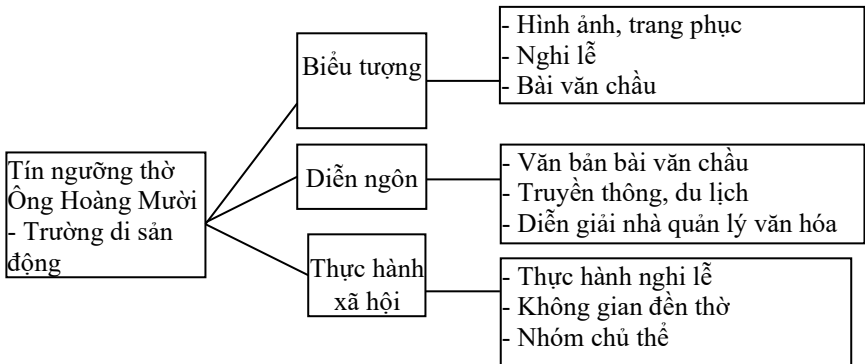
Không gian văn hóa Xứ Nghệ: Tên gọi xưa là Hoan Châu, nay gồm tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Vùng đất địa hình đa dạng, khí hậu khắc nghiệt, tài nguyên phong phú, con người bền bỉ, kiên cường. Đặc trưng văn hóa: hiếu học, thượng võ, đoàn kết cộng đồng; di tích lịch sử – văn hóa dày đặc; giao thoa văn hóa Bắc – Trung – Nam; kết hợp ảnh hưởng văn hóa biển và miền núi. Nghệ thuật dân gian nổi bật ví dặm Nghệ Tĩnh. Vùng đất “cần cỗi mà kiêu hãnh” (Trần Quốc Vượng).

1.2.2. Các lý thuyết nghiên cứu áp dụng trong đề tài

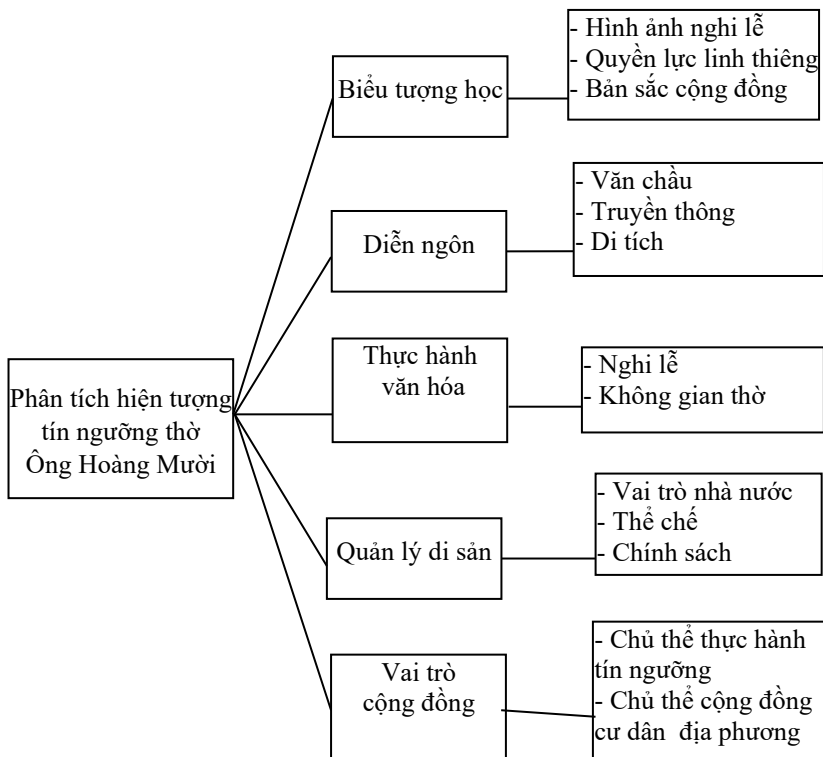
Biểu tượng học (Clifford Geertz): giải mã các biểu tượng nghi lễ, trang phục, văn châu, động tác đặc trưng; Ông Hoàng Mười được xem như *lieu de memoire* (Pierre Nora) - nơi lưu giữ ký ức, bản sắc.

Diễn ngôn học (Michel Foucault): phân tích diễn ngôn truyền thống - hiện đại, chính thống - dân gian, bản địa – toàn cầu trong kiến tạo hình ảnh Ông Hoàng Mười.

Thực hành văn hóa (Pierre Bourdieu): nghi lễ hầu đồng, rước lễ, phục trang... như sản phẩm của *habitus* cộng đồng Xứ Nghệ.



Hình 1: Sơ đồ khung lý thuyết tiếp cận tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười (Nguồn NCS)



Hình 2: Sơ đồ hướng tiếp cận khung phân tích văn hóa học (Nguồn NCS)

Ba lý thuyết này bổ trợ cho nhau, giúp luận án tiếp cận tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười từ nhiều tầng nấc: biểu tượng - quyền lực diễn ngôn - thực hành xã hội, từ đó làm rõ tính động, tính đa nghĩa và tính thích ứng của di sản này trong bối cảnh hiện đại.

1.3. Những vấn đề đặt ra trong nghiên cứu

Từ những vấn đề trên, luận án đặt ra mục tiêu làm rõ quá trình sáng tạo, biến đổi và thích ứng của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong xã hội hiện nay gồm: Khoảng trống học thuật về nghiên cứu chuyên sâu Ông Hoàng Mười. Biến đổi thực hành: dịch vụ hóa, thương mại hóa, truyền thông hóa nghi lễ. Quan hệ Nhà nước - cộng đồng: từ

tự quản sang thể chế hóa. Tác động của thời đại số: livestream, TikTok, YouTube... thay đổi cách thực hành và cảm nhận di sản.

Tiểu kết

Chương 1 đã hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, qua đó cho thấy lĩnh vực này nhận được sự quan tâm sâu rộng, đặc biệt sau khi được UNESCO ghi danh *Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt* là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Tuy nhiên, tuyến chân dung các vị thánh, cụ thể là Ông Hoàng - đặc biệt là Ông Hoàng Mười - vẫn chưa được nghiên cứu một cách chuyên sâu và hệ thống từ góc nhìn văn hóa học.

Chương 2

HÌNH TƯỢNG ÔNG HOÀNG MƯỜI VÀ KHÔNG GIAN THỜ PHỤNG

2.1. Hình tượng Ông Hoàng Mười

Theo truyền thuyết và thực hành dân gian, Hoàng là con trai thứ mười của Vua cha Bát Hải Động Đình, là vị thánh văn võ song toàn, cai quản vùng Trung đô dọc Nghệ An, Hà Tĩnh.

Ông Hoàng Mười được đồng nhất với nhiều danh tướng lịch sử của vùng Xứ Nghệ: *Lý Nhật Quang* (995-1057); *Lê Khôi* (1400 - 1446); *Nguyễn Xí* (1397 - 1465); *Nguyễn Duy Lạc* (1558-1639).

Qua nghiên cứu hình tượng Ông Hoàng Mười chúng ta thấy ẩn chứa trong đó nhiều giá trị nhân văn cao đẹp, từ góc nhìn văn hóa học phản ánh thế giới quan và nhân sinh quan của người dân Xứ Nghệ.

2.2. Không gian thiêng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ

Ba trung tâm thờ tự chính của tín ngưỡng Ông Hoàng Mười gồm: Đền Ông Hoàng Mười, Đền Chợ Củi và Đền Cả là những không gian tâm linh tiêu biểu, gắn kết ký ức cộng đồng, phản ánh niềm tin, đạo lý trọng đức – trọng tài và tôn kính những phẩm chất cao đẹp của vị thánh. Hiện nay, nhiều đền đã được trùng tu, mở rộng với sự tham gia của cả Nhà nước và cộng đồng, đồng thời ứng dụng công nghệ (biển chỉ dẫn

song ngữ, mã QR giới thiệu di tích), vừa phục vụ khách hành hương, vừa nâng cao trải nghiệm du lịch văn hóa.

2.2.1. Quá trình hình thành, cảnh quan và kiến trúc đền Ông Hoàng Mười ở Nghệ An: Còn gọi là Mỏ Hạc Linh Từ/Đền Xuân Am, đền được khởi dựng khoảng nửa đầu thế kỷ XIX trên nền một miếu cổ, gắn với huyền thoại vị thánh bảo hộ vùng Trung Đô. Kiến trúc hiện nay mang phong cách đình đền truyền thống Bắc Bộ kết hợp yếu tố vùng Trung Bộ, bố trí theo trục “tiền thủy hậu sơn” hướng ra sông Lam.

Quần thể gồm nghi môn, gác môn, lầu Cô, lầu Cậu, đài Trung thiên, hạ – trung – thượng điện, hậu cung và khu miếu mộ. Nội thất thờ Vua cha Bát Hải, Tam tòa Thánh Mẫu, Đức Thánh Trần, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các Quan Hoàng; hậu cung đặt tượng Ông Hoàng Mười uy nghi, trang phục vàng, tay cầm bút hoặc kiếm – biểu trưng trí dũng song toàn. Khuôn viên rộng, có sân lễ hội, nhà khách, nhà trưng bày, bia đá công đức, cảnh quan cổ thụ và ao sen. Lễ hội chính từ 8–10/10 âm lịch với rước nước, hầu đồng, hội làng; thu hút đông đảo khách hành hương. Nhiều hạng mục được trùng tu lớn vào các năm 1923, 1995, 2010; từ 2016, đền do Sở Văn hóa Thể thao Nghệ An phối hợp Ban quản lý di tích và cộng đồng quản lý.

2.2.2. Quá trình hình thành, cảnh quan và kiến trúc Đền Chợ Củi: Nằm tại xã Xuân Hồng, gần sông Lam và núi Ngũ Mã, đền Chợ Củi thờ Tam tòa Thánh Mẫu và Ông Hoàng Mười, gắn với nhiều truyền thuyết linh ứng. Kiến trúc mang không gian mở, kết nối với khu dân cư và chợ truyền thống; nội thất bài trí theo hệ thống Tứ phủ, có ban thờ Cô Đôi, Cô Chín và nhiều vị thánh khác. Lễ hội chính vào 9–10 tháng 10 âm lịch với nhiều giá đồng đặc sắc, thu hút đông đảo thanh đồng từ nhiều tỉnh. Không gian lễ hội sôi động, kết hợp thờ tự và dịch vụ lễ vật, thể hiện sự giao thoa giữa tính thiêng và tính thương mại trong bối cảnh đương đại.

2.2.3. Quá trình hình thành, cảnh quan và kiến trúc Đền Cả: Tọa lạc tại phường Trung Lương, Hồng Lĩnh, gắn với danh tướng Lê Khôi, đền Cả là một trong những trung tâm thờ tự lâu đời của xứ Nghệ.

Kiến trúc mang dáng dấp dinh võ quan, sử dụng gỗ và ngói truyền thống, mái cong mềm mại, chạm khắc họa tiết rồng phượng tinh xảo. Không gian đền hài hòa với cảnh quan núi Hồng Lĩnh, bố trí theo thế “tiền minh đường – hậu sơn”, sân lát gạch rộng, có cây cổ thụ và hồ nước tạo sự uy nghiêm nhưng gần gũi. Lễ hội chính vào đầu tháng 10 âm lịch (lễ Ông Hoàng Mười) và 1–3 tháng 5 âm lịch (giỗ Lê Khôi) với rước nước, rước bộ, trò diễn dân gian truyền thống. Không gian thiêng giữ nhiều yếu tố nguyên bản, gắn chặt ký ức cộng đồng và bản sắc địa phương, là minh chứng tiêu biểu cho nguyên tắc “di sản của cộng đồng cho cộng đồng”.

2.2.4. Bài trí điện thờ: Cả ba đền đều chia thành ba khu chính: Thượng điện - Trung điện - Hạ điện, kèm miếu thờ Cô và Cậu phía ngoài.

Đền Ông Hoàng Mười: có khu lăng mộ Ông Hoàng Mười.

Đền Chợ Cùi: thêm ban thờ Cô Đôi, Cô Chín.

Đền Cả: giữ nguyên cách bài trí truyền thống, chú trọng tính linh thiêng gắn với cộng đồng sở tại.

Bố trí nội thất phản ánh trật tự vũ trụ quan và hệ giá trị cộng đồng, đồng thời duy trì cấu trúc điện thần đặc trưng trong tín ngưỡng thờ Mẫu.

2.3. Nhận xét chung

2.3.1. Quá trình hình thành hình tượng đa tầng

2.3.1.1. Hình ảnh Ông Hoàng Mười qua văn chầu, truyện kể dân gian:

Nhiều dị bản của Ông Hoàng Mười cho thấy tín ngưỡng dân gian mang tính linh hoạt, mở và đa nghĩa. Hình tượng Ông Hoàng Mười trong tâm thức cộng đồng Xứ Nghệ được kiến tạo qua ba kênh chính: (1) văn chầu, (2) truyện kể dân gian, và (3) ký ức cộng đồng.

Như vậy, dù có là ai thì Ông Hoàng Mười vẫn là nhân vật huyền thoại nhưng lại gần gũi, thân quen, được nhân dân tôn sùng, quý trọng hợp với tâm lý và phong cách Xứ Nghệ, có chí khí nam nhi, anh hùng ngang dọc, phải có tài văn võ, có chí, có dũng. Hơn nữa phải là con người phải biết lo lắng cho cuộc sống bình an của dân chúng, vì dân, vì đời. Họ không ham danh lợi, yêu thiên nhiên, thích văn chương, yêu phong nguyệt.

2.3.1.2. Hình ảnh Ông Hoàng Mười qua ký ức cộng đồng và hình

tượng linh thiêng: Với tầng biểu tượng này, Ông Hoàng Mười trở thành thần linh có tính người, không xa vời như thần thoại, mà gần gũi, thân thiện, sẵn sàng che chở và chỉ dẫn. Đây là biểu hiện đặc trưng của “linh thiêng mềm” trong tín ngưỡng Việt - nơi thần linh và con người không bị phân cách bởi khoảng cách quyền năng, mà gắn kết bằng niềm tin, cảm xúc và thực hành tín ngưỡng sống.

2.3.2. Địa phương hóa và tiến trình thần thánh hóa nhân vật lịch sử

Quá trình địa phương hóa hình tượng Ông Hoàng Mười không tách rời với tiến trình lịch sử hóa và thần thánh hóa, mà còn cho thấy cơ chế chọn lọc - thích nghi - sáng tạo của cộng đồng trong việc gìn giữ và phát triển tín ngưỡng.

Tiến trình thần thánh hóa nhân vật lịch sử thông qua thực hành văn hóa tín ngưỡng tại các đền thờ ở Xứ Nghệ đã thể hiện rõ sự thần thánh hóa Ông Hoàng Mười, là minh chứng rõ nét cho cơ chế này.

Tiểu kết

Trong tâm thức của cộng đồng cư dân địa phương cũng như du khách hành hương cho thấy hình tượng Ông Hoàng Mười là biểu tượng phức hợp đa dạng giữa lịch sử dân tộc rất thực, rất đời với huyền thoại mang tính thực hư, hư thực; giữa tính địa phương riêng biệt nhưng vẫn rất thống nhất cùng tất cả các vị thánh trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ.

Không gian thờ Ông Hoàng Mười tại 3 đền tại tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đa dạng, từ đền thờ chính, đền phối thờ, đã hình thành mạng lưới tâm linh mang tính cộng đồng cao, kiến trúc đền đặc trưng của vùng miền với cảnh quan thiên nhiên tĩnh mịch, trang nghiêm, lễ nghi sinh động, làm nổi bật giá trị di sản của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười.

Chương 3

THỰC HÀNH NGHI LỄ VÀ BIỂU TƯỢNG GIÁ ĐỒNG ÔNG HOÀNG MƯỜI

3.1. Thực hành nghi lễ thờ phụng Ông Hoàng Mười

3.1.1. Việc thờ phụng thường xuyên trong năm tại đền

Hiện nay, người dân đi lễ tại các ngôi đền này rất đông, đặc biệt vào

các ngày đầu tháng, ngày rằm âm lịch và ngày cuối tuần, thứ bảy, chủ nhật. Thành phần đi lễ gồm các lứa tuổi thanh niên, trung niên, người cao tuổi, người có chức quyền, doanh nghiệp, người buôn bán, đặc biệt có học sinh sinh viên... Các lễ vật dâng cúng rất phong phú đa dạng.

3.1.2. Lễ hội, lễ giỗ Ông Hoàng Mười: Hàng năm ngày 10 tháng 10 âm lịch là ngày kỵ của Ông Hoàng Mười, tại cả 3 ngôi đền ở Xứ Nghệ đều tổ chức lễ hội, lễ giỗ Ông Hoàng Mười long trọng. Thời gian từ ngày khai hội đến ngày tạ lễ hội trong suốt tháng 10 âm lịch. Ngày chính hội thường là ngày 9, 10 tháng 10 âm lịch.

Với những giá trị văn hóa, nghệ thuật độc đáo và đa dạng lễ hội, lễ giỗ Ông Hoàng Mười tại Nghệ An, Hà Tĩnh - điểm đến du lịch văn hóa tâm linh ngày càng thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân, du khách chiêm bái, tham quan.

3.1.3. Nghi lễ hầu đồng: Trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, nghi lễ hầu đồng giữ vai trò trung tâm, là không gian trình diễn thiêng nơi thánh thần giáng trần và ban phát phúc lộc cho con nhang đệ tử. Giá hầu Ông Hoàng Mười là một trong những giá đồng quan trọng, thường xuất hiện trong các canh hầu và luôn thu hút sự chú ý từ cộng đồng.

3.1.4. Nghi lễ chung về giá đồng Ông Hoàng Mười: Việc nhận diện và phân loại giá trị của hầu đồng giá Ông Hoàng Mười có thể tiến hành dựa trên hai trục: phân tầng hệ thống thần danh - phủ thuộc, và đặc trưng biểu hiện theo vùng miền, không gian nghi lễ. Hầu đồng là nghi thức nhập hồn các vị thánh tín ngưỡng Tam phủ vào người hầu đồng. Trong hầu đồng không thể thiếu Hát Văn/Hát Châu Văn.

3.1.5. Nghệ thuật giá đồng Ông Hoàng Mười

3.1.5.1. Nghệ thuật thơ ca: Chủ yếu là thơ lục bát, hoặc song thất lục bát. Nghệ thuật phổ thơ trong các làn điệu Hát Văn không quá phức tạp, cầu kỳ. Chủ yếu là thủ pháp điệp từ, thêm từ, đảo từ và thủ pháp vay trả... nhằm mục đích làm hoàn chỉnh hơn cả về câu nhạc, ý thơ. Nội dung lời ca thường mang tính chất mô tả chân dung nhân vật, cảnh đẹp thiên nhiên, mô tả tính cách nhân vật.

3.1.5.2. Nghệ thuật âm nhạc

+ *Phân loại làn điệu*: phân chia thành 3 loại:

- Làn điệu thỉnh mời thánh ngự đồng

- Làn điệu hầu thánh ngự đồng: Đọc, nhạc lưu thủy, hát sai, trống trện...

- Các làn điệu còn lại xuất hiện tùy thuộc vào cung văn, sở thích của thanh đồng, thời gian thánh giáng đồng. Lúc này là khi thánh ngồi phán truyền, ban phát lộc, nghe nhạc, nghe thơ... Cuối cùng, khi thánh thăng cung văn cũng hát câu kết như nhau: “*Xe loan thánh giá hồi cung*”.

+ *Thang âm, điệu thức*: Trong âm nhạc, yếu tố thang âm và điệu thức giữ vai trò rất quan trọng bởi đó là một trong những nhân tố góp phần xây dựng nên hình tượng âm nhạc. Các làn điệu Hát Văn thuộc giá Ông Hoàng Mười trên được xây dựng trên các điệu thức năm âm sau đây: *Cung, Thương, Chủy, Vũ, Điệu Oán* (một loại điệu thức độc đáo trong dân ca người Việt Nam Bộ).

+ *Cấu trúc làn điệu*: gồm các làn điệu: Kiêu, Đọc, Lưu thủy, Hát Sai, Thơ chúc rượu, Phú, Hò Xứ Nghệ, Hò Huế, Tỳ bà hành... và câu hát khi thánh thăng.

+ *Nhịp điệu, tiết tấu*: Nhạc cụ đệm cho Hát Văn tuy đơn giản (trước đây thường tối thiểu có 2 người diễn tấu). Ngày nay, dàn nhạc phong phú hơn có khi có 6 người diễn tấu nên đã tạo nên những âm hưởng tiết tấu, âm sắc nhạc cụ đa dạng hơn, phong phú lúc vui vẻ, náo nhiệt lúc lại sâu lắng, trữ tình. Đặc biệt, mỗi làn điệu đều gắn với một quy luật nhịp nhất định.

Các giá văn Ông Hoàng Mười trên có quy luật về nhịp rất rõ ràng, cụ thể ở phần tay phải song lại rất mở cho các nghệ nhân có thể diễn tấu tùy theo khả năng, cảm hứng của họ thể hiện qua dùi gõ tay trái làm cho tiết tấu, nhịp phách âm nhạc Hát Văn thêm sinh động, hấp dẫn, mới lạ.

3.1.5.3. *Tính tích hợp và ngẫu hứng nghệ thuật*: Giá đồng Ông Hoàng Mười là hình thức nghệ thuật tổng hợp, tích hợp giữa: âm nhạc, thơ ca, múa, sân khấu, trang phục, nghi lễ và mỹ thuật dân gian. Bản thân mỗi buổi hầu đồng là một “vũ trụ nghệ thuật” nơi người nghệ nhân (ông bà đồng) trở thành trung gian kết nối thế giới thần linh - trần tục.

3.2. Biểu tượng giá đồng Ông Hoàng Mười

Giá đồng Ông Hoàng Mười, với tư cách là một hình thái biểu hiện của tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ đặc biệt lại ở vùng đất quê hương Nghệ An, Hà Tĩnh, không chỉ mang giá trị tâm linh mà còn hàm chứa các giá trị văn hóa - nghệ thuật đặc sắc. Ông Hoàng Mười là một hình tượng đa nghĩa, được kiến tạo qua diễn ngôn. Trong tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười, nghi lễ hầu đồng là sự thăng hoa của niềm tin, nơi văn hóa và tâm linh gặp nhau, tạo nên một không gian vừa linh thiêng vừa nghệ thuật.

Tiểu kết

Giá đồng Ông Hoàng Mười không chỉ là hình thức kết nối với thế giới thần linh, mà còn là không gian nghệ thuật tổng hợp, biểu hiện sinh động của bản sắc văn hóa địa phương và đời sống tín ngưỡng đương đại. Đây là di sản văn hóa phi vật thể có giá trị cao cần được nhận diện, bảo vệ và phát huy phù hợp với tinh thần của Công ước 2003 của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.

Chương 4

BIẾN ĐỔI THỰC HÀNH, GIÁ TRỊ VÀ BÀN LUẬN VỀ TÍN NGƯỠNG THỜ ÔNG HOÀNG MƯỜI

4.1. Biến đổi không gian thờ tự và nghi lễ

Từ sau năm 2016 – mốc UNESCO ghi danh Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại – không gian thờ tự và nghi lễ Ông Hoàng Mười tại Xứ Nghệ có nhiều biến đổi. Bên cạnh kiến trúc và lễ hội, thay đổi thể hiện ở cách cộng đồng tiếp cận, thực hành và lan tỏa giá trị tâm linh, mở rộng từ đền phủ truyền thống sang sân khấu, studio, không gian mạng (livestream, TikTok, Zoom, fanpage).

Trang phục, lễ vật, nghi thức dâng sớ, rước kiệu... được điều chỉnh linh hoạt theo điều kiện kinh tế và thị hiếu, tạo điều kiện tiếp cận rộng rãi hơn. Tuy nhiên, xu hướng “sân khấu hóa” và thương mại hóa cũng gây tranh luận về ranh giới giữa thiêng và tục. Bảo tồn không gian thờ tự truyền thống vẫn là trung tâm, song không gian số - nếu dẫn dắt bằng hiểu biết và lòng thành - có thể trở thành phần mở rộng

của không gian linh thiêng.

4.1.1. Đền thờ Ông Hoàng Mười tại tỉnh Nghệ An: Khởi dựng khoảng nửa đầu thế kỷ XIX trên nền miếu cổ, gắn với huyền thoại danh tướng Lê Khôi, đền vừa là nơi thờ tự vừa là thiết chế văn hóa cộng đồng. Sau năm 2016 và đặc biệt từ 2019, mô hình tổ chức lễ hội chuyển từ tự quản cộng đồng sang quản lý đồng kiến tạo giữa chính quyền, ban quản lý di tích và các tổ chức địa phương.

Lễ hội hiện nay gồm ba phần: Phần lễ: cáo yết, rước thánh, đại tế, hầu đồng. Phần hội: hát ví giặm, trưng bày sản vật, trò chơi dân gian. Phần lễ hành chính - chính trị: dâng hương tập thể, phát biểu của lãnh đạo.

Nghi lễ được chuẩn hóa, ứng dụng truyền thông số (livestream, màn hình LED, video tư liệu), tạo sức lan tỏa nhưng cũng làm giảm tính linh hoạt. Lễ hội là điển hình của mô hình quản trị di sản đa tác nhân, phản ánh khả năng thích ứng cao của di sản sống.

4.1.2. Đền Chợ Củi: Thờ Tam Tòa Thánh Mẫu và Ông Hoàng Mười, đền được công nhận Di tích quốc gia (1993), nhiều lần trùng tu lớn. Trước 2024, lễ giỗ do gia đình thủ từ quản lý; từ 2024, chuyển giao cho Ban Quản lý di tích – dịch vụ công ích huyện Nghi Xuân theo kế hoạch của UBND huyện, đánh dấu quá trình hành chính hóa nghi lễ.

Lễ giỗ gồm: Phần lễ: khai mạc, rước nước, tế, rước kiệu. Phần hội: văn nghệ, thi mâm lễ đẹp, trò chơi dân gian. Phần tâm linh – du lịch: tour sông Lam, hát chầu văn, giao lưu nghệ nhân.

Tổ chức chuyên nghiệp, minh bạch giúp nâng cao hình ảnh nhưng giảm tính linh hoạt và “thiên nhiên”. Đây là trường hợp điển hình của “thương thảo nghi lễ” giữa nhà nước và cộng đồng, hướng tới quản lý bền vững di sản.

4.1.3. Đền Cả: Đền Cả từng bị phế tích và được phục dựng khang trang. Lễ hội chính: giỗ Lê Khôi (1–3 tháng 5 âm lịch) và lễ Ông Hoàng Mười (đầu tháng 10 âm lịch) với rước nước, tế lễ, trò chơi dân gian. Khác với hai đền trên, Đền Cả duy trì mô hình *tự quản cộng đồng*, nghi lễ giữ nguyên tính truyền thống, kiểm soát chặt thương mại hóa, không trình diễn hóa. Đây là ví dụ tiêu biểu của “di sản của cộng đồng cho

cộng đồng”, nơi cộng đồng là chủ thể bảo tồn và thực hành tín ngưỡng.

4.1.4. Một số nhận xét

3 đền thờ Ông Hoàng Mười ở Nghệ An, Hà Tĩnh hàng năm đều có tổ chức long trọng ngày kỵ của Ông vào ngày 10 tháng 10 âm lịch với sự chỉ đạo, của chính quyền địa phương, ban quản lý di tích cùng người dân địa phương cũng như du khách hành hương tham gia nhiệt tình đã tạo nên lễ hội tâm linh có quy mô hoành tráng, trang trọng. Lễ hội, lễ giỗ Ông Hoàng Mười - thể hiện một trong những hiện tượng văn hóa phổ biến của người Việt, có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của xã hội.

Từ đó có thể thấy, không gian thờ tự Ông Hoàng Mười không ngừng vận động, vừa gìn giữ truyền thống, vừa tích hợp hiện đại, thể hiện rõ nét tính sống động và thích ứng cao của tín ngưỡng này trong đời sống văn hóa đương đại.

4.2. Biến đổi trong diễn ngôn và nhận thức về Ông Hoàng Mười

4.2.1. Biến đổi trong diễn ngôn về Ông Hoàng Mười

Hình tượng Ông Hoàng Mười từ biểu tượng “thánh văn võ song toàn” gắn với trung nghĩa được mở rộng thành vị thánh ban công danh, tài lộc, trợ duyên sự nghiệp, đặc biệt trong giới trẻ và giới kinh doanh. Truyền thông số góp phần tái cấu trúc ký ức cộng đồng: nghi lễ hầu đồng được livestream, chia sẻ rộng rãi, kết hợp tính thiêng và yếu tố trình diễn. Biểu tượng này trở thành “biểu tượng mở”, xuất hiện trong sản phẩm lưu niệm, nhạc châu remix, không gian số, phản ánh sự linh hoạt của tín ngưỡng dân gian.

4.2.2. Biến đổi trong vai trò của nhà nước và chính sách về di sản

Từ mô hình cộng đồng tự quản, sau năm 2016 và công nhận di sản quốc gia năm 2019, lễ hội chuyển sang quản lý bán chính thức với sự tham gia của chính quyền, cơ quan văn hóa và ban quản lý di tích. Lễ hội được tổ chức bài bản, quy mô cấp huyện, vừa bảo tồn vừa quảng bá du lịch, song xuất hiện xu hướng “hành chính hóa” và “sân khấu hóa”, đặt ra yêu cầu cân bằng giữa quyền quản lý và quyền chủ thể cộng đồng.

4.2.3. Giao thoa và tái định vị giữa cộng đồng và nhà nước trong bảo vệ tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười

Bảo tồn và phát huy tín ngưỡng là kết quả giao thoa giữa cộng đồng thực hành và thiết chế quản lý. Cộng đồng giữ vai trò duy trì nghi lễ, ký ức truyền thống; nhà nước điều phối, chuẩn hóa và hỗ trợ quảng bá. Mô hình “cộng đồng tham gia” cho phép phối hợp linh hoạt, đồng thời sử dụng hình ảnh Ông Hoàng Mười như biểu tượng văn hóa – du lịch, nhưng cần giám sát cộng đồng để đảm bảo tính linh hoạt và bản địa.

4.3. Giá trị văn hóa tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười

4.3.1. Giá trị biểu tượng và tâm linh: Tín ngưỡng Ông Hoàng Mười kết tinh hệ thống biểu tượng giàu ý nghĩa (sắc phục vàng, múa kiếm, quạt đề thơ, hát văn châu...), phản ánh thế giới quan và giá trị Xứ Nghệ. Ông được coi là vị thánh ban tài, hộ mạng, trợ duyên công danh, là điểm tựa tinh thần cho cộng đồng, đặc biệt giới trẻ. Không gian thờ tự được tổ chức chặt chẽ, thích ứng từ tự phát sang quản lý bán hành chính, vẫn giữ được tính linh thiêng.

Không gian nghi lễ với cấu trúc phân bậc (từ sân chính, trung điện đến hậu cung) cho thấy sự tổ chức chặt chẽ, đồng thời là nơi bảo tồn biểu tượng linh thiêng trong khuôn khổ cộng đồng - nhà nước - tín đồ thực hành. Sự chuyển đổi từ tự phát sang quản lý bán hành chính (ban quản lý, giám sát nghi lễ, phân luồng hành hương) phản ánh tính thích ứng của không gian linh thiêng trong bối cảnh xã hội hiện đại.

4.3.2. Giá trị lịch sử và bản sắc địa phương: Tín ngưỡng hình thành qua quá trình địa phương hóa lâu dài, kết hợp huyền thoại – lịch sử – ký ức cộng đồng, gắn với các danh tướng biểu trưng cho trung hiếu, thượng võ, văn võ song toàn. Các đền thường ở vị trí “minh đường tụ thủy”, trở thành trung tâm linh khí ven sông Lam, góp phần củng cố bản sắc và gắn kết cộng đồng Nghệ An – Hà Tĩnh.

4.3.3. Giá trị nghệ thuật và sáng tạo dân gian: Giá đồng Ông Hoàng Mười là nghệ thuật trình diễn tổng hợp giữa thơ, nhạc, múa, phục trang, mang tính ngẫu hứng và sáng tạo. Lễ hội vừa là nghi lễ thiêng, vừa là trình diễn cộng đồng, nơi thẩm mỹ dân gian thăng hoa

nhờ niềm tin tín ngưỡng.

4.3.4. Giá trị xã hội - cộng đồng và duy trì bản sắc Xứ Nghệ: Tín ngưỡng là chất keo gắn kết cộng đồng, tái tạo ký ức và quan hệ xã hội qua lễ hội, lễ giỗ, trở thành dịp hồi hương tâm linh, củng cố bản sắc và kết nối liên thế hệ. Hình tượng Ông Hoàng Mười mang tính “chuyên nghĩa” linh hoạt, dung nạp yếu tố hiện đại mà vẫn giữ cốt lõi thiêng liêng. Đây là biểu hiện điển hình của “bản sắc mềm” - không giáo điều, không rập khuôn mà thấm sâu trong hành vi, trí nhớ và cảm xúc cộng đồng.

4.3.5. Giá trị phát triển du lịch văn hóa - tâm linh: Ba đền chính tạo thành “tam giác tâm linh” liên tỉnh, hội tụ địa linh – nhân kiệt – huyền thoại, là trục du lịch văn hóa – tâm linh. Việc kết hợp nghi lễ truyền thống với trải nghiệm hiện đại (livestream, thực tế ảo, sản phẩm số) vừa mở rộng đối tượng tiếp cận, vừa bảo tồn di sản sống và định vị bản sắc Xứ Nghệ trong hội nhập.

4.4. Bàn luận học thuật và các vấn đề đặt ra: Luận án làm rõ vai trò, đặc trưng, giá trị của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong hệ Mẫu Tam phủ; phân tích sự hình thành, biến đổi, thích ứng của nghi lễ–biểu tượng–thực hành ở Nghệ An, Hà Tĩnh dựa trên ba khung lý thuyết (Geertz, Foucault, Bourdieu).

4.4.1. Tín ngưỡng như một thực hành văn hóa: Theo Bourdieu, đây là “trường” văn hóa sống, nơi thanh đồng, khách hành hương, ban quản lý, cư dân cùng kiến tạo cái thiêng qua lễ hội, đền phủ và tương tác xã hội. Thực hành thích ứng với môi trường số (đặt lễ, livestream), mở rộng từ không gian vật chất sang không gian mạng, đồng thời củng cố ký ức và bản sắc cộng đồng.

4.4.2. Diễn ngôn thiêng và cơ chế quyền lực: Dưới góc Foucault, văn châu–huyền thoại–nghi lễ vừa định hình chân dung Ông Hoàng Mười vừa vận hành quyền lực mềm qua phân tầng không gian và vai trò chủ thể. Truyền thông số mở rộng diễn ngôn nhưng đặt ra nội dung giữa linh thiêng và trình diễn; nhà nước trở thành tác nhân “quản trị diễn ngôn”.

4.4.3. Biểu tượng và cấu trúc ý nghĩa: Theo Geertz, hệ biểu tượng dày đặc (sắc phục vàng, cưỡi ngựa, quạt–bút, cấu trúc điện thờ) phản ánh giá trị và bản sắc Xứ Nghệ. Hầu đồng là “trình diễn văn hóa”

tái nghĩa biểu tượng. Biểu tượng thích ứng hiện đại nhưng đối diện nguy cơ pha loãng từ thị hiếu thị trường và mạng xã hội.

4.4.4. Sáng tạo văn hóa trong thực hành tín ngưỡng Ông Hoàng Mười: Sáng tạo thể hiện ở văn chương, động tác, âm nhạc, tổ chức không gian, ứng dụng công nghệ; hình thành dạng “lai ghép” truyền thống–hiện đại gắn với du lịch và truyền thông. Tín ngưỡng còn được địa phương hóa ở hải ngoại, tổ chức trực tuyến, thể hiện năng lực dịch chuyển biểu tượng xuyên biên giới.

4.4.5. Những vấn đề đặt ra

Thứ nhất, tín ngưỡng dân gian - cụ thể là tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười - cần được nhìn nhận như một thực thể văn hóa động, không chỉ là di sản phi vật thể cần bảo vệ, mà còn là một trường thực hành văn hóa, nơi các chủ thể tham gia đồng kiến tạo nên những giá trị mới.

Thứ hai, các khung lý thuyết văn hóa học hiện đại như biểu tượng học, diễn ngôn học và thực hành văn hóa chứng tỏ khả năng giải mã sâu các hiện tượng tín ngưỡng.

Thứ ba, vấn đề quyền lực trong không gian thiêng là một thách thức lớn: giữa cộng đồng hành lễ truyền thống và bộ máy quản lý hành chính - giữa tính thiêng và tính du lịch, giữa thực hành và quy chuẩn hóa lễ hội.

Thứ tư, vai trò của truyền thông số trong tái định hình tín ngưỡng dân gian là hiện tượng mới nổi bật. Cần tiếp tục nghiên cứu sâu các hình thức “diễn ngôn số hóa,” xu hướng thẩm mỹ mới, sự phân tầng người tham gia, để đánh giá tác động dài hạn đối với bản sắc và tính thiêng của di sản.

Thứ năm, luận án đặt ra yêu cầu cập nhật phương pháp luận liên ngành trong nghiên cứu tín ngưỡng - không chỉ sử dụng nhân học hay dân tộc học, mà cần tích hợp các phương pháp từ nghiên cứu truyền thông, xã hội học, phân tích diễn ngôn, nghiên cứu văn hóa số...

Những vấn đề trên không chỉ gợi mở cho các nghiên cứu tiếp theo, mà còn là cơ sở để hoạch định chính sách văn hóa địa phương, thiết kế sản phẩm du lịch văn hóa - tâm linh phù hợp, và xây dựng các mô hình bảo tồn - phát triển di sản một cách bền vững.

Tiểu kết

Chương 4 đã phân tích sự biến đổi của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười trong bối cảnh truyền thông hiện đại, qua thực hành tại đền phủ, môi trường số và nhận thức cộng đồng. Nghi lễ, không gian linh thiêng và diễn ngôn tín ngưỡng thể hiện tính năng động, khả năng thích nghi và sức sống của một di sản sống.

Kết quả nghiên cứu cho thấy cộng đồng vừa gìn giữ bản sắc vừa sáng tạo thích ứng với thị hiếu và công nghệ mới, đồng thời đặt ra các vấn đề lý luận - thực tiễn quan trọng như mối quan hệ giữa linh thiêng và trình diễn, quyền lực và cộng đồng, hay sự kết nối giữa tri thức địa phương và lý thuyết toàn cầu. Đây là những gợi mở cho nghiên cứu và chính sách văn hóa trong bối cảnh Việt Nam đương đại.

KẾT LUẬN

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười ở Xứ Nghệ cho thấy biểu tượng thiêng không còn là cấu trúc cố định của nghi lễ truyền thống, mà liên tục được tái định hình trong bối cảnh truyền thông và xã hội đương đại. Hiện nay, biểu tượng linh thiêng vừa gắn kết cộng đồng tín ngưỡng, vừa trở thành nguồn lực chiến lược cho phát triển văn hóa bền vững - nơi giá trị truyền thống được bảo tồn không bằng sự bất biến, mà bằng khả năng thích ứng sáng tạo và chiều sâu biểu tượng trong đời sống tinh thần.

Ba không gian thờ tự trọng điểm – Đền Ông Hoàng Mười (Nghệ An), Đền Chợ Củi và Đền Cả (Hà Tĩnh), không chỉ là trung tâm tâm linh mà còn là điểm nhấn du lịch văn hóa của vùng. Chúng thể hiện tính nhân văn, giá trị văn hóa, sự kết hợp tinh tế của nhiều loại hình nghệ thuật, đề cao đạo lý Uống nước nhớ nguồn và củng cố sự gắn kết cộng đồng Xứ Nghệ.

Lễ hội Ông Hoàng Mười - di sản văn hóa phi vật thể quốc gia trong hệ thống tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ là minh chứng cho khả năng thích ứng của tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Việc phục dựng và tổ chức lễ hội thời kỳ Đổi mới cho thấy chiến lược “sáng tạo truyền thống” đã giúp vừa bảo lưu giá trị cốt lõi, vừa tái hiện nguồn gốc lịch sử của đối tượng thờ tự. Tính truyền thống, tính địa phương và tính

lịch sử là nền tảng củng cố niềm tin cộng đồng, trong khi những yếu tố mới được bổ sung nhằm bảo đảm tính thích ứng, củng cố hình tượng Ông Hoàng Mười như biểu tượng tài đức, trí dũng, linh thiêng và ban phát lộc tài - công danh.

Tín ngưỡng và lễ hội Ông Hoàng Mười phát huy vai trò trung tâm của cộng đồng, huy động nguồn lực xã hội hóa từ khách hành hương, sử dụng hiệu quả cho trùng tu di tích và tổ chức lễ hội trang trọng. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ, phát huy giá trị di sản mà còn thúc đẩy kinh tế địa phương. Từ góc nhìn văn hóa học ứng dụng, luận án đã:

1. Xác lập vị trí và vai trò của tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười như một thiết chế tâm linh - văn hóa đặc thù của Xứ Nghệ, đồng thời là một phần trong hệ thống điện thần toàn quốc.

2. Đề xuất cách tiếp cận tín ngưỡng như một quá trình văn hóa, trong đó các giá trị tâm linh, bản sắc, thẩm mỹ và cộng đồng luôn được tái định nghĩa qua tương tác xã hội, chính sách và công nghệ.

3. Làm rõ quá trình biến đổi cả về hình thức (không gian, nghi lễ, trang phục, truyền thông) và nội dung (hệ biểu tượng, diễn ngôn, cảm thức thiêng). Tín ngưỡng có khả năng thích ứng cao với đời sống hiện đại.

4. Phân tích mối quan hệ cộng đồng – nhà nước – truyền thông trong quản trị di sản, nhận diện xu hướng “hành chính hóa nghi lễ,” “sân khấu hóa lễ hội,” “số hóa không gian thiêng”.

5. Vận dụng khung lý thuyết của Bourdieu (thực hành văn hóa), Foucault (diễn ngôn học) và Geertz (biểu tượng học) để lý giải tính động và khả năng tái tạo liên tục của tín ngưỡng.

Tín ngưỡng thờ Ông Hoàng Mười là một biểu hiện tiêu biểu của sự giao thoa và vận động giữa truyền thống - hiện đại, giữa thiêng - tục, giữa địa phương và toàn cầu. Bảo vệ và phát huy giá trị của tín ngưỡng này đòi hỏi sự đồng hành và sáng tạo liên tục của cộng đồng, nhà nước, thị trường và truyền thông. Chính nhờ khả năng “vừa bảo tồn, vừa chuyển hóa,” tín ngưỡng này đã khẳng định sức sống bền vững, đồng thời góp phần định vị bản sắc Xứ Nghệ trong bản đồ di sản văn hóa quốc gia và mở rộng tầm ảnh hưởng ra không gian văn hóa toàn cầu./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đoàn Thị Thanh Vân (2025), “Lễ hội đèn ông Hoàng Mười Nghệ An dưới góc nhìn biểu tượng và truyền thông đa tầng”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 611, tr 22 - 27.

2. Đoàn Thị Thanh Vân (2025), “Tái cấu trúc lễ giỗ Quan Hoàng Mười tại đền chợ Củi trong bối cảnh đổi mới”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn hóa và Phát triển*, số 11, tr 75 - 80.

3. Đoàn Thị Thanh Vân (2025), “Di sản sống trong dòng chảy hiện đại: Lễ hội Quan Hoàng Mười từ góc nhìn văn hóa học”, Tạp chí *Văn hóa và nguồn lực*, Đại học Văn hóa thành phố HCM, số 2(42), tr 26 - 33.

4. Đoàn Thị Thanh Vân (2025), “Về lời thơ và âm nhạc trong một số giá đồng Quan Hoàng của tín ngưỡng Tam phủ”, Tạp chí *Văn hóa học*, số 3(79), tr 96 - 109.